

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 20-3-2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Luynh Thuy
2. Ông Bùi Quốc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Phát- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 16/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam (gọi tắt Công ty E).

Địa chỉ trụ sở: Lô C1-1 đến lô C5-1, Đường VL3, KCN Vĩnh L 2, ấp V, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Công ty: Ông Y- Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Yuan Ai: Ông X– Chức vụ: Giám đốc kinh doanh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông X:

1. Chị Nguyễn Thị Tô U, sinh năm 1996;

2. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1995;

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Số 24 Đường số 37, Khu đô thị Vạn P, phường Hiệp Bình P, Thành phố T, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Thành Trần Thị Tuyết Đ, sinh năm 1986;

Đăng ký thường trú: Ấp H, xã Kim S, huyện C, tỉnh T

Tạm trú: Ấp M, xã Thanh P, huyện C, tỉnh T

(Anh K có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 30/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty E”) là đơn vị cung cấp thức ăn cho cá. Bà Thành Trần Thị Tuyết Đ là đại lý tiêu thụ sản phẩm (mua thức ăn cho cá) của Công ty E.

Ngày 23/6/2020, Công ty E và bà Thành Trần Thị Tuyết Đ ký kết Hợp đồng đại lý số 2020HĐ017 có thời hạn đến ngày 31/12/2020, theo đó bà Đ tiêu thụ sản phẩm thức ăn cho cá của Công ty E theo đơn đặt hàng từng đợt.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, Công ty E đã giao thức ăn cá cho bà Đ nhiều lần, đầy đủ theo các đơn đặt hàng của bà Đ, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng cho bà Đ nhưng bà Đ không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty E. Theo Bảng đối chiếu công nợ (2021-01) ngày 02/4/2021, Công ty E và bà Đ đã ký xác nhận đối chiếu công nợ với nhau và theo Giấy tay cam kết xác nhận của bà Đ còn nợ Công ty E số tiền là 6.318.960.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ không thực hiện thanh toán cho Công ty E theo cam kết này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu như sau:

1. Buộc bà Thành Trần Thị Tuyết Đ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn nợ cho Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam là: 6.318.960.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm mười tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Buộc bà Thành Trần Thị Tuyết Đ phải thanh toán toàn bộ, một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bà Thành Trần Thị Tuyết Đ phải trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 02/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/3/2023 (01 năm, 11 tháng, 18 ngày), với mức lãi suất chậm thanh toán là 12%/năm theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thành tiền là 1.489.543.338 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 7.808.503.338 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày 21/3/2023 cho đến khi bà Đ trả hết số tiền nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Ngoài ra, Công ty không còn yêu cầu nào khác.

Bà Thành Trần Thị Tuyết Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các Văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay còn nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu và trình bày của mình. Đồng thời, cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hoá*” là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về các thủ tục tố tụng:

[1]. Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam và bà Thành Trần Thị Tuyết Đ có ký kết Hợp đồng đại lý số 2020HD017 và phụ lục Hợp đồng đại lý cùng ngày 23/6/2020. Theo quy định tại Điều 166 Luật Thương mại năm 2005 “*Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý thoả thuận việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hoá cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao*”. Đồng thời, theo quy định tại Điều 167 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên giao đại lý và bên đại lý phải là thương nhân. Tại khoản 1, Điều 6 Luật Thương mại năm 2005 quy định “*1. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh*”. Xét thấy, Hợp đồng đại lý số 2020HD017 và phụ lục Hợp đồng đại lý ký cùng ngày 23/6/2020 có thể hiện hình thức là Hợp đồng đại lý. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Đ không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào, bà Đ là bên đại lý nhưng không có đăng ký kinh doanh nên không phải là thương nhân. Mặt khác, theo Văn bản giải trình ngày 30/5/2022 và tại

phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty E đều xác định “Công ty E không có tiêu chuẩn để thành lập đại lý...và đều có mẫu hợp đồng chung của Công ty E là “Hợp đồng đại lý” ... để ký kết và thực hiện việc mua bán thức ăn cho cá với các cá nhân”. Trong quan hệ đại lý mua bán hàng hóa, bên đại lý chỉ giao hàng hóa cho bên đại lý bán hàng mà không chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên đại lý, bên đại lý chỉ có vai trò của một người làm dịch vụ trung gian nối liền sự liên kết của bên giao đại lý với khách hàng nhưng Công ty E lại chuyển giao toàn bộ hàng hóa là cung cấp thức ăn cá cho bà Đ, đã giao cho bà Đ đầy đủ hàng hóa theo các đơn đặt hàng của bà Đ, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng cho bà Đ. Cụ thể, thông qua các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã cung cấp đều thể hiện “bên bán hàng” là Công ty E và “bên mua hàng” là bà Thành Trần Thị Tuyết Đ. Do đó, có cơ sở xác định bản chất của Hợp đồng đại lý số 2020HĐ017 và phụ lục Hợp đồng đại lý ký cùng ngày 23/6/2020 là Hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể là cung cấp thức ăn cho cá nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua thức ăn cho cá còn nợ. Xét thấy, tại Điều 9 của Hợp đồng đại lý số 2020HĐ017 quy định: “*Nếu phát sinh tranh chấp sẽ do hai bên bàn bạc giải quyết, nếu không thể thỏa thuận được với nhau thì sẽ do Tòa án địa phương bên A giải quyết*”. Bên (A) là Công ty E có địa chỉ trụ sở chính tại huyện B. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án:

Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam khởi kiện buộc cá nhân bà Thành Trần Thị Tuyết Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định bà Thành Trần Thị Tuyết Đ là bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại Bảng đối chiếu công nợ (2021-01) ngày 02/4/2021, Công ty E và bà Đ có ký xác nhận đối chiếu công nợ với nhau, xác nhận bà Đ còn nợ Công ty E số tiền là 6.350.960.000 đồng. Đồng thời, ngày 02/4/2021, bà Đ viết Giấy tay cam kết, thừa nhận còn nợ Công ty E số tiền là 6.318.960.000 đồng và cam kết thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty E theo cam kết này. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là sự thật không cần phải chứng minh. Hai bên đều xác nhận đã giao hàng và nhận hàng hoàn tất theo Bảng đối chiếu công nợ (2021-01) ngày 02/4/2021 nên xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau:

[4.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền mua thức ăn cho cá còn thiếu là 6.318.960.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm mười tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 02/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/3/2023 (01 năm, 11 tháng, 18 ngày), với mức lãi suất chậm thanh toán là 12%/năm thành tiền là: 1.489.543.338 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 7.808.503.338 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày 21/3/2023 cho đến khi bà Đ trả hết số tiền nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trong quá trình Toà án thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các Văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay còn nợ.

[4.2]. Trong quá trình Toà án giải quyết, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải đề ngày 28/10/2022. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[4.3]. Từ những phân tích tại mục [4.1-4.2]. Căn cứ các Điều 430, 432, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa. Buộc bị đơn bà Thành Trần Thị Tuyết Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty E số tiền mua thức ăn cho cá còn nợ là 6.318.960.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm mười tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 02/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/3/2023 (01 năm, 11 tháng, 18 ngày), với mức lãi suất chậm thanh toán là 12%/năm thành tiền là 1.489.543.338 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 7.808.503.338 đồng.

[5]. Về chi phí xác minh là 4.000.000 đồng nguyên đơn Công ty E đã tự nguyên chịu (đã nộp xong).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Thành Trần Thị Tuyết Đ phải chịu án phí là 115.808.503 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty E theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 430, 432, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam đối với bị đơn bà Thành Trần Thị Tuyết Đ về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

2. Buộc bà Thành Trần Thị Tuyết Đ có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam là 7.808.503.338 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm linh tám triệu, năm trăm linh ba ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng*). Trong đó tiền gốc là 6.318.960.000 đồng, tiền lãi là 1.489.543.338 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bà Thành Trần Thị Tuyết Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về chi phí xác minh là 4.000.000 đồng nguyên đơn Công ty E đã tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc bị đơn bà Thành Trần Thị Tuyết Đ phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 115.808.503 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu tám trăm linh sáu ngàn năm trăm linh ba đồng*).

4.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật E Việt Nam đã nộp là 57.159.480 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, một trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm tám mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008630 ngày 17/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thới